|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. HCM**TRƯỜNG THPT NĂNG KHIẾU TDTT H.BC****ĐỀ CHÍNH THỨC***(Đề kiểm tra có 04 trang)* | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ IINĂM HỌC 2022 - 2023MÔN SINH HỌC – KHỐI 12 (KHXH)***Thời gian làm bài: 45 Phút(Không kể thời gian phát đề)***MÃ ĐỀ 627** |
| Họ và tên: ......................................................... | Số báo danh: ……………………………..  |

**Câu 1.** Những phát biểu không đúng khi nói về quan hệ giữa các cá thể trong quần thể?

1. Quan hệ cạnh tranh trong quần thể thường gây hiện tượng suy thoái dẫn đến diệt vong.

2. Khi mật độ vượt quá sức chịu đựng của môi trường các cá thể cạnh tranh với nhau làm tăng khả năng sinh sản.

3. Sự phân công trách nhiệm của ong chúa, ong thợ, ong mật trong cùng một đàn ong biểu thị mối quan hệ hỗ trợ cùng loài.

4. Các cá thể trong quần thể có khả năng chống lại dịch bệnh khi sống theo nhóm.

5. Do điều kiện bất lợi nên cạnh tranh cùng loài được coi là ảnh hưởng xấu đến sự tồn tại và phát triển của loài.

 **A.** (2), (3), (5). **B.** (1), (2), (4), (5).

 **C.** (1), (2), (3). **D.** (2), (4), (5).

**Câu 2.** Khi đánh bắt cá càng được nhiều con non thì nên:

 **A.** tiếp tục, vì quần thể ở trạng thái trẻ. **B.** tăng cường đánh vì quần thể đang ổn định.

 **C.** dừng ngay, nếu không sẽ cạn kiệt.  **D.** hạn chế, vì quần thể sẽ suy thoái.

**Câu 3.** Nguyên nhân của hiện tượng biến động số lượng theo chu kì là:

 **A.** Do hoạt động của thiên tai.

 **B.** Do mỗi năm lại có sự thay đổi của các loại dịch bệnh tấn công sinh vật.

 **C.** Do những thay đổi có tính chu kì của môi trường.

 **D.** Do những thay đổi có tính chu kì xảy ra hàng năm.

**Câu 4.** Cho các phát biểu nói về giới hạn sinh thái là:

1. Giới hạn sinh thái là khoảng giá trị xác định của nhiều nhân tố sinh thái tác động qua lại lẫn nhau mà ở đó sinh vật có thể tồn tại và phát triển được theo thời gian.

2. Cơ thể còn non và cơ thể trưởng thành nhưng có trạng thái sinh lý thay đổi đều có giới hạn sinh thái hẹp.

3. Khoảng chống chịu là khoảng giá trị thuộc giới hạn sinh thái, tuy nhiên các nhân tố sinh thái gây ức chế hoạt động sinh lý của sinh vật.

4. Loài phân bố càng rộng thì giới hạn sinh thái càng hẹp.

5. Xác định nhân tố sinh thái nhằm tạo điều kiện cho việc di nhập giống vật nuôi, cây trồng từ vùng này sang vùng khác.

6. Loài sống ở vùng cực có giới hạn sinh thái về nhiệt độ hẹp hơn loài sống ở vùng gần xích đạo.

Số phát biểu đúng là:

 **A.** 1. **B.** 3. **C.** 1. **D.** 2.

**Câu 5.** Các dạng biến động số lượng?

1. Biến động không theo chu kì. 2. Biến động theo chu kì.

3. Biến động đột ngột (do sự cố môi trường) 4. Biến động theo mùa vụ.

Phương án đúng là:

 **A.** 1, 3, 4. **B.** 2, 3. **C.** 2, 3, 4. **D.** 1, 2.

**Câu 6.** Quần xã sinh vật là

 **A.** tập hợp nhiều quần thể sinh vật thuộc cùng loài, cùng sống trong một không gian xác định và chúng có mối quan hệ mật thiết, gắn bó với nhau

 **B.** tập hợp nhiều quần thể sinh vật thuộc các loài khác nhau, cùng sống trong một không gian xác định và chúng ít quan hệ với nhau

 **C.** tập hợp nhiều quần thể sinh vật thuộc hai loài khác nhau, cùng sống trong một không gian xác định và chúng có mối quan hệ mật thiết, gắn bó với nhau

 **D.** một tập hợp các quần thể sinh vật thuộc các loài khác nhau, cùng sống trong một không gian và thời gian nhất định, có mối quan hệ gắn bó với nhau như một thể thống nhất.

**Câu 7.** Tỉ lệ đực: cái ở ngỗng và vịt lại là 40/60 (hay 2/3) vì:

 **A.** phân hoá kiểu sinh sống. **B.** do tập tính đa thê.

 **C.** tỉ lệ tử vong 2 giới không đều. **D.** do nhiệt độ môi trường.

**Câu 8.** Ốc sống dưới đáy hồ thuộc về:

 **A.** Quần xã sinh vật **B.** Quần thể sinh vật

 **C.** Đàn ốc  **D.** Một nhóm hỗn hợp cũng không phải là quần xã cũng không phải quần thể.

**Câu 9.** Quần xã rừng U Minh có loài đặc trưng là:

 **A.** cây tràm **B.** cây mua **C.** tôm nước lợ **D.** bọ lá

**Câu 10.** Phát biểu nào sau đây là không đúng về nhân tố sinh thái?

 **A.** Nhân tố sinh thái là những nhân tố của môi trường, có tác động và chi phối đến đời sống của sinh vật.

 **B.** Nhân tố sinh thái là tất cả những nhân tố của môi trường bao quanh sinh vật, có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến đời sống sinh vật.

 **C.** Nhân tố sinh thái gồm nhóm các nhân tố vô sinh và nhóm các nhân tố hữu sinh.

 **D.** Nhân tố sinh thái là nhân tố vô sinh của môi trường, có hoặc không có tác động đến sinh vật.

**Câu 11.** Xét các yếu tố sau đây:

I: Sức sinh sản và mức độ tử vong của quần thể.

II: Mức độ nhập cư và xuất cư của các cá thể và hoặc ra khỏi quần thể .

III: Tác động của các nhân tố sinh thái và lượng thức ăn trong môi trường.

IV: Sự tăng giảm lượng cá thể của kẻ thù, mức độ phát sinh bệnh tật trong quần thể.

Những yếu tố ảnh hưởng đến sự thay đổi kích thước của quần thể là:

 **A.** I, II, III và IV. **B.** I, II và IV. **C.** I, II và III. **D.** I và II.

**Câu 12.** Chọn đáp án đúng:

 **A.** Vi khuẩn và tảo đơn bào trong địa y là mối quan hệ cộng sinh.

 **B.** Chim mỏ đỏ và linh dương là mối quan hệ cộng sinh.

 **C.** Phong lan bám trên cây thân gỗ là mối quan hệ ký sinh.

 **D.** Hải quỳ và cua là mối quan hệ hợp tác.

**Câu 13.** Ví dụ nào sau đây phản ánh quan hệ cộng sinh giữa các loài:

 **A.** cây phong lan bám trên thân cây gỗ **B.** vi khuẩn lam sống trong nốt sần rễ đậu

 **C.** chim sáo đậu trên lưng trâu rừng  **D.** cây tầm gửi sống trên thân cây gỗ.

**Câu 14.** Cho các mối quan hệ giữa các loài sinh vật sau:

1. Tôm vệ sinh và lươn.

2. Ốc mượn hồn và hải quỳ.

3. Cá bống biển và tôm vỏ cứng.

4. Cá ép và cá mập.

5. Cá vảy chân và vi khuẩn phát sáng.

6. Hải quỳ và cá hề.

Có bao nhiêu mối quan hệ mà cả hai loài sinh vật đều có lợi?

 **A.** 5 **B.** 3 **C.** 4 **D.** 6

**Câu 15.** Điều nào sau đây không đúng với vai trò của quan hệ hỗ trợ?

 **A.** Khai thác tối ưu nguồn sống của môi trường.

 **B.** Đảm bảo cho quần thể tồn tại ổn định.

 **C.** Hiện tượng tự tỉa thưa.

 **D.** Làm tăng khả năng sống sót và sinh sản của các cá thể.

**Câu 16.** Quần thể ruồi nhà thường xuất hiện nhiều vào mùa hè trong năm, còn vào thời gian khác thì hầu như giảm hẳn. Quần thể này:

 **A.** Biến động số lượng theo chu kì mùa.

 **B.** Biến động số lượng theo chu kì năm.

 **C.** Biến động số lượng không theo chu kì.

 **D.** Không phải biến động số lượng.

**Câu 17.** Tính đa dạng về loài của quần xã là:

 **A.** mức độ phong phú về số lượng loài trong quần xã và số lượng cá thể của mỗi loài

 **B.** mật độ cá thể của từng loài trong quần xã

 **C.** số loài đóng vai trò quan trọng trong quần xã

 **D.** tỉ lệ % số địa điểm bắt gặp một loài trong tổng số địa điểm quan sát

**Câu 18.** Quan hệ đối kháng trong quần xã biểu hiện ở:

 **A.** kí sinh, ăn loài khác, ức chế cảm nhiễm, cạnh tranh.

 **B.** cộng sinh, hội sinh, hợp tác

 **C.** quần tụ thành bầy hay cụm và hiệu quả nhóm

 **D.** cộng sinh, hội sinh, kí sinh

**Câu 19.** Hiện tượng nào sau đây phản ánh dạng biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật không theo chu kì?

 **A.** Ở miền Bắc Việt Nam, số lượng ếch nhái giảm vào những năm có mùa đông giá rét, nhiệt độ xuống dưới 80C.

 **B.** Ở Việt Nam, hàng năm vào thời gian thu hoạch lúa, ngô, … chim cu gáy thường xuất hiện nhiều.

 **C.** Ở đồng rêu phương Bắc, cứ 3 năm đến 4 năm, số lượng cáo lại tăng lên gấp 100 lần và sau đó lại giảm.

 **D.** Ở Việt Nam, vào mùa xuân khí hậu ấm áp, sâu hại thường xuất hiện nhiều.

**Câu 20.** Mối quan hệ nào sau đây đem lại lợi ích hoặc ít nhất không có hại cho các loài tham gia ?

 **A.** Dây tơ hồng sống trên tán các cây trong rừng

 **B.** Loài cá ép sống bám trên các loài cá lớn

 **C.** Một số loài tảo biển nở hoa và các loài tôm, cá sống trong cùng một môi trường

 **D.** Cây tầm gửi sống trên thân các cây gỗ lớn trong rừng

**Câu 21.** Tập hợp sinh vật nào sau đây gọi là quần thể?

 **A.** Tập hợp cá sống trong Hồ Tây.

 **B.** Tập hợp cỏ dại trên một cánh đồng.

 **C.** Tập hợp cá Cóc sống trong Vườn Quốc Gia Tam Đảo.

 **D.** Tập hợp cây thân leo trong rừng mưa nhiệt đới.

**Câu 22.** Cho các dạng biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật sau:

(1) Ở miền Bắc Việt Nam, số lượng bò sát giảm mạnh vào những năm có mùa đông giá rét, nhiệt độ xuống dưới 80 C.

(2) Ở Việt Nam, vào mùa xuân và mùa hè có khí hậu ấm áp, sâu hại xuất hiện nhiều.

(3) Số lượng cây tràm ở rừng U Minh Thượng giảm mạnh sau sự cố cháy rừng tháng 3 năm 2002.

(4) Hàng năm, chim cu gáy thường xuất hiện nhiều vào mùa thu hoạch lúa, ngô.

Những dạng biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật theo chu kì là

 **A.** (1) và (3). **B.** (2) và (4). **C.** (1) và (4). **D.** (2) và (3).

**Câu 23.** Giun, sán sống trong ruột lợn là biểu hiện của mối quan hệ

 **A.** hợp tác. **B.** kí sinh - vật chủ.

 **C.** hội sinh. **D.** cộng sinh.

**Câu 24.** Có các loại môi trường phổ biến là:

 **A.** môi trường đất, môi trường nước, môi trường trên cạn, môi trường ngoài.

 **B.** môi trường đất, môi trường nước, môi trường trên cạn, môi trường bên trong.

 **C.** môi trường đất, môi trường nước, môi trường trên cạn, môi trường sinh vật.

 **D.** môi trường đất, môi trường nước ngọt, môi trường nước mặn và môi trường trên cạn.

**Câu 25.** Thay đổi làm tăng hay giảm kích thước quần thể được gọi là

 **A.** biến động di truyền. **B.** biến động cấu trúc.

 **C.** biến động kích thước. **D.** biến động số lượng.

**Câu 26.** Quần xã rừng thường có cấu trúc nổi bật là

 **A.** phân bố ngẫu nhiên **B.** phân tầng theo chiều ngang

 **C.** phân bố đồng đều **D.** phân tầng thẳng đứng

**Câu 27.** Quần thể nào sau đây phân bố đồng đều:

 **A.** Những con giun sống ở nơi ẩm ướt.

 **B.** Những con sâu trên cây chuối.

 **C.** Đám cỏ lào mọc ven rừng.

 **D.** Những con dã tràng cùng nhóm tuổi trên bãi biển.

**Câu 28.** Nhiệt độ ảnh hưởng như thế nào đối với sinh vật?

1. Biến đổi hình thái và sự phân bố.

2. Tăng tốc độ các quá trình sinh lý.

3. Ảnh hưởng đến quang hợp, hô hấp, hút nước và thoát nước của cây trồng.

4. Ảnh hưởng đến nguồn thức ăn và tiêu hóa của sinh vật.

 **A.** (1), (2), (3), (4). **B.** (2), (3), (4).

 **C.** (1), (2), (3). **D.** (1), (3), (4).

**Câu 29.** Vì sao loài ưu thế đóng vai trò quan trọng trong quần xã?

 **A.** Vì có số lượng cá thể nhiều, sinh khối lớn, có sự cạnh tranh mạnh

 **B.** Vì tuy có sinh khối nhỏ nhưng hoạt động mạnh.

 **C.** Vì có số lượng cá thể nhiều, sinh khối lớn, hoạt động mạnh.

 **D.** Vì tuy có số lượng cá thể nhỏ, nhưng hoạt động mạnh.

**Câu 30.** Khi kích thước quần thể xuống dưới mức tối thiểu, quần thể rơi vào trạng thái suy giảm dẫn tới diệt vong. Giải thích nào sau đây là không hợp lý?

 **A.** Nguồn sống của môi trường giảm không đủ cung cấp cho nhu cầu tối thiểu của các cá thể trong quần thể.

 **B.** Khả năng sinh sản giảm do cơ hội gặp nhau giữa cá thể đực và cái giảm.

 **C.** Số lượng cá thể quá ít nên sự giao phối gần thường xuyên xảy ra, đe dọa sự tồn tại của quần thể.

 **D.** Sự hỗ trợ giữa các cá thể trong quần thể giảm, quần thể không có khả năng chống chọi với những thay đổi của môi trường.

**Câu 31.** Điều kiện nào sau đây không đúng với quần thể tăng trưởng theo đường cong hàm số mũ?

 **A.** Kích thước quần thể nhỏ.

 **B.** Chịu tác động chủ yếu của các nhân tố hữu sinh.

 **C.** Khả năng thích nghi cao phục hồi quần thể một cách nhanh chóng.

 **D.** Tuổi thọ thấp, tập tính chăm sóc con non kém.

**Câu 32.** Hiện tượng cá thể tách ra khỏi nhóm:

 **A.** làm giảm nhẹ cạnh tranh giữa các cá thể, hạn chế sự cạn kiệt nguồn thức ăn trong vùng.

 **B.** làm tăng mức độ sinh sản.

 **C.** làm tăng khả năng cạnh tranh giữa các cá thể.

 **D.** làm cho nguồn thức ăn cạn kiệt nhanh chóng.

**Câu 33.** Hiện tượng cá mập con khi mới nở ăn các trứng chưa nở và phôi nở sau thuộc mối quan hệ nào?

 **A.** Cạnh tranh khác loài. **B.** Quan hệ hỗ trợ.

 **C.** Kí sinh cùng loài. **D.** Cạnh tranh cùng loài.

**Câu 34.** Cá chép có giới hạn chịu đựng đối với nhiệt độ tương ứng là: +20C đến 440C. Cá rô phi có giới hạn chịu đựng đối với nhiệt độ tương ứng là: +5,60C đến +420C. Dựa vào các số liệu trên, hãy cho biết nhận định nào sau đây về sự phân bố của hai loài cá trên là đúng?

 **A.** Cá rô phi có vùng phân bố rộng hơn vì có giới hạn chịu nhiệt hẹp hơn.

 **B.** Cá chép có vùng phân bố rộng hơn vì có giới hạn dưới thấp hơn.

 **C.** Cá rô phi có vùng phân bố rộng hơn vì có giới hạn dưới cao hơn.

 **D.** Cá chép có vùng phân bố rộng hơn cá rô phi vì có giới hạn chịu nhiệt rộng hơn.

**Câu 35.** Trong các hệ sinh thái trên cạn, loài ưu thế thường thuộc về

 **A.** giới nhân sơ (vi khuẩn) **B.** giới thực vật

 **C.** giới nấm **D.** giới động vật

**Câu 36.** Khoảng thời gian sống có thể đạt tới của một cá thể tính từ lúc cá thể được sinh ra cho đến khi nó chết do già được gọi là:

 **A.** tuổi trung bình. **B.** tuổi sinh thái. **C.** tuổi sinh lí. **D.** tuổi quần thể.

**Câu 37.** Tảo biển khi nở hoa gây ra nạn “thuỷ triều đỏ” ảnh hưởng tới các sinh vật khác sống xung quanh. Hiện tượng này gọi là quan hệ:

 **A.** hợp tác **B.** cạnh tranh

 **C.** Ức chế - cảm nhiễm **D.** hội sinh

**Câu 38.** Kiểu phân bố ngẫu nhiên có ý nghĩa sinh thái là:

 **A.** hỗ trợ cùng loài và giảm cạnh tranh cùng loài. **B.** giảm cạnh tranh cùng loài.

 **C.** phát huy hiệu quả hỗ trợ cùng loài.  **D.** tận dụng nguồn sống thuận lợi.

**Câu 39.** Yếu tố quan trọng nhất chi phối đến cơ chế điều chỉnh số lượng cá thể của quần thể là:

 **A.** Kích thước quần thể. **B.** Sức sinh sản.

 **C.** Nguồn thức ăn từ môi trường. **D.** Sức tử vong.

**Câu 40.** Sự khác nhau giữa cây thông nhựa liền rễ với cây không liền rễ như thế nào?

 **A.** Các cây liền rễ sinh trưởng nhanh hơn nhưng khả năng chịu hạn kém hơn và khi bị chặt ngọn sẽ nảy chồi mới sớm và tốt hơn cây không liền rễ.

 **B.** Các cây liền rễ sinh trưởng nhanh hơn, có khả năng chịu hạn tốt hơn và khi bị chặt ngọn sẽ nảy chồi mới sớm và tốt hơn cây không liền rễ.

 **C.** Các cây liền rễ sinh trưởng nhanh hơn và có khả năng chịu hạn tốt hơn, nhưng khi bị chặt ngọn sẽ nảy chồi mới muộn hơn cây không liền rễ.

 **D.** Các cây liền rễ tuy sinh trưởng chậm hơn nhưng có khả năng chịu hạn tốt hơn và khi bị chặt ngọn sẽ nảy chồi mới sớm và tốt hơn cây không liền rễ.

***------ HẾT ------***